

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Chương trình khuyến công
địa phương tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020

CHỦ TỊCH UBND TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về Khuyến công;

Căn cứ Quyết định số 1288/QĐ-TTg ngày 01 tháng 8 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình khuyến công quốc gia đến năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 3567/QĐ-UBND ngày 24 tháng 10 năm 2014 của UBND tỉnh Thanh Hóa ban hành Quy chế quản lý và sử dụng kinh phí khuyến công địa phương tỉnh Thanh Hóa;

Theo Công văn số 7540/BCT-CNĐP ngày 15 tháng 8 năm 2016 của Bộ Công Thương về việc tiếp tục đẩy mạnh hoạt động khuyến công và tăng cường năng lực Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp ở địa phương;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 1125/TTr-SCT ngày 08 tháng 12 năm 2016 và Tờ trình số 235/TTr-SCT ngày 14 tháng 3 năm 2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Chương trình khuyến công địa phương tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020.

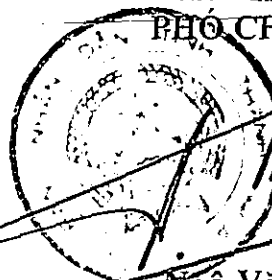
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Công Thương, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã; Thủ trưởng các ngành, các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2 Quyết định (để th/hiện);
- Bộ Công Thương (để b/cáo);
- TTr Tỉnh ủy, TTr HĐND tỉnh (để b/cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (để b/c);
- Lưu: VT, CN.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Ngô Văn Tuấn

CHƯƠNG TRÌNH

Khuyến công địa phương tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 8857/QĐ-UBND
ngày 27/7/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)*

I. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH

1. Mục tiêu chung

- Huy động mọi nguồn lực của các thành phần kinh tế trong tỉnh, ngoài tỉnh và nước ngoài tham gia hoặc hỗ trợ các tổ chức, cá nhân đầu tư sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và các dịch vụ khuyến công, góp phần vào việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa; tạo việc làm, tăng thu nhập, thực hiện phân công lại lao động xã hội và góp phần xây dựng nông thôn mới;

- Hỗ trợ các hoạt động sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp (CN-TTCN) để phát triển mở rộng sản xuất, thu hút nhiều lao động, có lợi thế cạnh tranh của tỉnh, có tiềm năng thị trường tiêu thụ trong nước và xuất khẩu;

- Khuyến khích, hỗ trợ tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân, mọi thành phần kinh tế đầu tư phát triển sản xuất CN-TTCN một cách bền vững, áp dụng sản xuất sạch hơn nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên thiên nhiên, nguyên liệu, nhiên liệu; giảm thiểu phát thải và hạn chế mức độ gia tăng ô nhiễm; bảo vệ và cải thiện chất lượng môi trường, sức khỏe con người và bảo đảm phát triển bền vững, nâng cao năng lực cạnh tranh trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế.

2. Mục tiêu cụ thể

- Đào tạo lao động thành nghề và nâng cao tay nghề cho 1.650 lao động gắn với các cơ sở công nghiệp nông thôn (CNNT);

- Hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến vào sản xuất CN-TTCN cho 67 cơ sở CNNT;

- Tổ chức 01 hội chợ, triển lãm hàng CNNT; hỗ trợ 36 cơ sở CNNT tham gia hội chợ, triển lãm trong nước; tổ chức 12 phiên chợ hàng Việt kết nối cung - cầu về nông thôn;

- Xây dựng 36 số truyền hình Công Thương trên Truyền hình Trung ương và địa phương; xuất bản 36 số Bản tin Công Thương, báo Trung ương và địa phương;

- Xây dựng chương trình tài liệu và tổ chức 06 khóa tập huấn bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác khuyến công; xây dựng chương trình tài liệu và tổ chức 09 khóa tập huấn sản xuất sạch hơn trong công nghiệp; xây dựng chương trình tài liệu và tổ chức 15 khóa khởi sự doanh nghiệp; xây dựng

chương trình tài liệu và tổ chức 15 khóa tập huấn quản trị doanh nghiệp cho các Chủ doanh nghiệp công nghiệp nông thôn;

- Hỗ trợ 12 cơ sở CNNT sửa chữa, nâng cấp hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường.

II. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG VÀ NGÀNH NGHỀ ĐƯỢC HƯỞNG CHƯƠNG TRÌNH KHUYẾN CÔNG

1. Phạm vi áp dụng

- Chi đào tạo nghề, truyền nghề ngắn hạn, gắn lý thuyết với thực hành theo nhu cầu của các cơ sở CN-TTCN để tạo việc làm và nâng cao tay nghề cho người lao động;

- Chi chuyển giao công nghệ và ứng dụng máy móc tiên tiến, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất CN-TTCN;

- Chi tổ chức hội chợ, triển lãm hàng công nghiệp nông thôn, hàng thủ công mỹ nghệ; chi hỗ trợ các cơ sở công nghiệp nông thôn tham gia hội chợ, triển lãm và các hoạt động xúc tiến thương mại khác;

- Chi xây dựng các chương trình truyền hình, truyền thanh; xuất bản các bản tin, ấn phẩm;

- Chi nâng cao năng lực quản lý và tổ chức thực hiện hoạt động khuyến công, bao gồm:

+ Chi xây dựng chương trình, tài liệu và tổ chức tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác khuyến công; chi xây dựng chương trình, tài liệu và tổ chức đào tạo khởi sự, quản trị doanh nghiệp cho Chủ doanh nghiệp công nghiệp ở nông thôn, tập huấn sản xuất sạch hơn trong công nghiệp;

+ Chi tổ chức tham quan khảo sát, học tập kinh nghiệm trong nước;

- Chi hỗ trợ sửa chữa, nâng cấp hệ thống xử lý môi trường tại các cơ sở CNNT.

2. Đối tượng áp dụng

- Tổ chức, cá nhân trực tiếp đầu tư, sản xuất CN-TTCN tại huyện, thị xã, thị trấn, xã và các phường thuộc thành phố loại 1 được chuyển đổi từ xã chưa quá 05 năm, bao gồm: Doanh nghiệp nhỏ và vừa, Hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật (gọi chung là cơ sở công nghiệp nông thôn);

- Các cơ sở sản xuất công nghiệp áp dụng sản xuất sạch hơn;

- Tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài tham gia công tác quản lý, thực hiện các hoạt động dịch vụ khuyến công trên địa bàn.

3. Ngành nghề được hưởng Chương trình khuyến công

- Công nghiệp chế biến nông - lâm - thủy sản và chế biến thực phẩm;

- Sản xuất hàng công nghiệp phục vụ tiêu dùng và xuất khẩu, hàng thay thế hàng nhập khẩu;

- Công nghiệp hóa chất phục vụ nông nghiệp, nông thôn. Sản xuất vật liệu xây dựng ở những sản phẩm mà nhà nước khuyến khích phát triển;

- Sản xuất sản phẩm, phụ tùng; lắp ráp và sửa chữa máy móc, thiết bị, dụng cụ cơ khí, điện, điện tử - tin học. Sản xuất, gia công chi tiết, bán thành phẩm và công nghiệp hỗ trợ;

- Sản xuất hàng thủ công nghiệp;

- Khai thác, chế biến khoáng sản tại những địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật;

- Áp dụng sản xuất sạch hơn trong các cơ sở sản xuất công nghiệp; xử lý ô nhiễm môi trường tại các cơ sở sản xuất công nghiệp nông thôn.

III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

1. Đào tạo nghề, truyền nghề và phát triển nghề mới

- Hỗ trợ tổ chức các khóa đào tạo nghề; truyền nghề; du nhập phát triển nghề theo nhu cầu của các cơ sở CNNT:

+ Tập trung vào các ngành nghề truyền thống, các nghề có định hướng phát triển: Chế biến nông, lâm, thủy hải sản, thực phẩm; may công nghiệp, thêu ren; hàng thủ công mỹ nghệ, hàng lưu niệm, hàng phục vụ du lịch, xuất khẩu;

+ Hình thức đào tạo chủ yếu là ngắn hạn, gắn lý thuyết với thực hành, gắn với cơ sở CNNT để tạo việc làm và nâng cao tay nghề cho lao động.

- Hỗ trợ đào tạo lao động quản lý, kỹ thuật, thợ giỏi, nghệ nhân để hình thành đội ngũ giảng viên phục vụ chương trình đào tạo nghề, truyền nghề cho phát triển CNNT.

2. Hỗ trợ ứng dụng công nghệ, máy móc thiết bị tiên tiến vào sản xuất CN-TTCN

Phối hợp với các cơ sở CNNT trên địa bàn tỉnh nghiên cứu tính năng kỹ thuật mới tiên tiến của các loại máy móc thiết bị trên thị trường nội địa và thị trường ngoại nhập phù hợp với hình thức, chất lượng sản phẩm của đơn vị cũng như đặc thù nguồn nguyên liệu tại địa phương, lập phương án đầu tư mua sắm máy móc thiết bị, xây dựng đề án khuyến công để đăng ký thụ hưởng chương trình hỗ trợ.

3. Tổ chức hội chợ, triển lãm hàng công nghiệp nông thôn, hàng thủ công mỹ nghệ; hỗ trợ các cơ sở CNNT tham gia hội chợ trong nước

- Hỗ trợ tổ chức hội chợ, triển lãm hàng CNNT, hàng thủ công mỹ nghệ và các cơ sở CNNT đưa sản phẩm tham gia hội chợ, triển lãm trong nước;

- Tổ chức phiên chợ hàng Việt kết nối cung - cầu về nông thôn;

- Hỗ trợ xây dựng thương hiệu sản phẩm nông, lâm, thủy sản, thực phẩm, thủ công mỹ nghệ, mây tre đan,...;

- Hỗ trợ khen thưởng cơ sở CNNT có sản phẩm đạt sản phẩm CNNT tiêu biểu cấp huyện, cấp tỉnh, cấp khu vực, cấp quốc gia.

4. Cung cấp thông tin, tuyên truyền

- Phối hợp với Đài Phát thanh và Truyền hình Thanh Hóa và Truyền hình Công Thương (VTV1, Đài Truyền hình Việt Nam) xây dựng các chương trình phát sóng chuyên mục truyền hình về Công Thương;
- Xây dựng cơ sở dữ liệu về CNNT, in ấn và phát hành trên Bản tin Công Thương hàng quý và trên Thông tin kinh tế phát hành định kỳ hàng tháng;
- Giới thiệu các cơ sở CNNT điển hình và các sản phẩm nổi tiếng của tỉnh trên các báo Trung ương và địa phương.

5. Nâng cao năng lực quản lý hoạt động khuyến công; nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp

- Nâng cao năng lực quản lý và tổ chức thực hiện hoạt động khuyến công, gồm:
 - + Nghiên cứu trình cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các văn bản liên quan nhằm hoàn thiện khung pháp lý, cơ chế chính sách về hoạt động khuyến công;
 - + Xây dựng kế hoạch khuyến công hàng năm; kiểm tra, giám sát, hướng dẫn triển khai thực hiện các chương trình, kế hoạch, đề án khuyến công và các hoạt động xúc tiến đầu tư các dự án phát triển CNNT;
 - + Kiện toàn bộ máy, hỗ trợ nâng cao năng lực quản lý về khuyến công cho cán bộ, công chức, viên chức phụ trách CN-TTCN, cán bộ làm công tác khuyến công ở các huyện, thị xã, thành phố;
 - + Xây dựng chương trình, tài liệu và tổ chức đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác khuyến công;
 - + Đầu tư cơ sở vật chất, phương tiện làm việc cho Trung tâm Khuyến công và Tiết kiệm năng lượng; xây dựng và duy trì mạng lưới cộng tác viên khuyến công.

- Nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp, gồm:

- + Hỗ trợ tổ chức thực hiện hoặc phối hợp thực hiện với các tổ chức nâng cao năng lực quản lý, quảng bá tiêu thụ, xuất khẩu sản phẩm CNNT, thông qua các hoạt động tập huấn, đào tạo, hội thảo, hội nghị, diễn đàn;
- + Hỗ trợ tổ chức cho các cơ sở CNNT tham quan, khảo sát thị trường, học tập kinh nghiệm sản xuất, kinh doanh trong nước; mở rộng thị trường tiêu thụ, xuất khẩu sản phẩm CNNT.

6. Hỗ trợ sửa chữa, nâng cấp hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường

- Hỗ trợ, tư vấn cho các cơ sở CNNT gây ô nhiễm môi trường di dời vào các cụm công nghiệp, khu công nghiệp;
- Hỗ trợ sửa chữa, nâng cấp và đầu tư xây dựng mới hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường tại các cơ sở CNNT.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

Căn cứ vào mục tiêu, nội dung của Chương trình khuyến công địa phương tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020, dự kiến kinh phí thực hiện như sau:

Tổng kinh phí thực hiện Chương trình: 27.392 triệu đồng, trong đó:

- Nguồn kinh phí khuyến công quốc gia hỗ trợ: 13.160 triệu đồng;
- Nguồn kinh phí từ ngân sách tỉnh: 14.232 triệu đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục số 01 và 02 kèm theo)

V. MỘT SỐ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Về tăng cường quản lý nhà nước về khuyến công

- Rà soát cơ chế, chính sách đã ban hành để điều chỉnh, bổ sung hoàn thiện cho phù hợp với thực tế của địa phương và phù hợp với các văn bản hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương;
- Tăng cường hướng dẫn, kiểm tra giám sát việc thực hiện các hoạt động khuyến công, tạo ra bước đột phá thúc đẩy CNNT phát triển;
- Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến rộng rãi các chủ trương chính sách của nhà nước để người dân, doanh nghiệp yên tâm đầu tư phát triển công nghiệp ở nông thôn.

2. Về nâng cao năng lực của bộ máy làm công tác khuyến công

- Nâng cao năng lực cán bộ làm công tác khuyến công theo hướng chuyên nghiệp; kiện toàn tổ chức nhân sự và chức năng nhiệm vụ, phạm vi hoạt động của 02 Chi nhánh khuyến công tại huyện Ngọc Lặc và huyện Nga Sơn theo Quyết định số 288/QĐ-UBND ngày 17/01/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa; củng cố và tăng cường năng lực quản lý nhà nước về công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp đối với phòng Kinh tế/Kinh tế - Hạ tầng các huyện, thị xã, thành phố; bố trí cán bộ làm công tác khuyến công chuyên trách cấp huyện; hỗ trợ hình thành và phát triển mạng lưới cộng tác viên khuyến công ở tất cả các xã, phường, thị trấn;
- Tổ chức đào tạo nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước, cán bộ viên chức của các tổ chức dịch vụ khuyến công và cộng tác viên cấp xã;
- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá hoạt động khuyến công hàng năm, giai đoạn.

3. Về huy động các nguồn tài chính cho Chương trình khuyến công

- Bám sát chỉ đạo của Cục Công nghiệp địa phương - Bộ Công Thương để tiếp cận kinh phí hỗ trợ từ ngân sách Trung ương cho các hoạt động khuyến công;
- Tăng cường nguồn ngân sách địa phương đáp ứng đủ và kịp thời nhu cầu vốn cho hoạt động khuyến công;
- Tuyên truyền, vận động các tổ chức, cá nhân được thụ hưởng chính sách khuyến công bố trí đủ nguồn vốn đối ứng để triển khai thực hiện Chương trình.

4. Về tăng cường sự phối hợp hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước với các đoàn thể chính trị, xã hội, nghề nghiệp; các cơ sở CNNT để triển khai có hiệu quả hoạt động khuyến công

- Triển khai thực hiện tốt các nội dung, chương trình phối hợp hoạt động giữa Sở Công Thương với tổ chức, đoàn thể (Hội Nông dân, Hội Liên hiệp phụ nữ, Liên minh HTX, Liên hiệp các Hội khoa học và Kỹ thuật,...) để triển khai hoạt động khuyến công;

- Phối hợp với các cơ quan, tổ chức, đơn vị (các viện, trường, các chuyên gia, kỹ sư, các nhà quản lý...) để triển khai hoạt động khuyến công.

5. Về công tác thi đua khen thưởng

Sở Công Thương đề xuất, tham mưu cho UBND tỉnh khen thưởng các cá nhân, đơn vị có thành tích trong hoạt động phát triển CN-TTCN, thực hiện tốt công tác khuyến công; hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả; thực hiện đầy đủ chính sách đối với người lao động, thực hiện an toàn lao động; áp dụng quy trình mới, có những sáng kiến cải tiến kỹ thuật,... trong lĩnh vực sản xuất CN-TTCN nhằm khuyến khích thi đua phát triển sản xuất, góp phần thực hiện đạt và vượt chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Công Thương

- Là cơ quan thường trực giúp UBND tỉnh xây dựng, chủ trì triển khai thực hiện Chương trình khuyến công tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020; phối hợp với các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức thực hiện Chương trình đã được UBND tỉnh phê duyệt; định kỳ hoặc đột xuất kiểm tra hoạt động khuyến công trên địa bàn;

- Tham mưu cho UBND tỉnh xây dựng, sửa đổi, hoàn thiện hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật về hoạt động khuyến công;

- Chỉ đạo Trung tâm Khuyến công và Tiết kiệm năng lượng xây dựng kế hoạch và dự toán kinh phí thực hiện Chương trình hàng năm trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Trung tâm có trách nhiệm quản lý, triển khai thực hiện và thanh quyết toán kinh phí Chương trình đã được phê duyệt đúng đối tượng, đúng nội dung theo quy định của Nhà nước; định kỳ hàng năm, báo cáo UBND tỉnh và Bộ Công Thương tình hình triển khai thực hiện Chương trình.

2. Sở Tài chính

- Tham mưu cho UBND tỉnh bố trí nguồn kinh phí hàng năm để đảm bảo kinh phí thực hiện hoạt động khuyến công theo nội dung Chương trình được duyệt và các văn bản pháp luật có liên quan;

- Phối hợp với Sở Công Thương hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện kinh phí khuyến công đảm bảo đúng quy định của Nhà nước.

3. Các sở, ngành có liên quan

Phối hợp với Sở Công Thương xây dựng kế hoạch sử dụng nguồn kinh phí khuyến công, thực hiện lồng ghép với các dự án thuộc chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình phát triển kinh tế - xã hội khác có liên quan đến phát triển công

ng nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, làng nghề trên địa bàn tỉnh, đảm bảo tránh trùng lặp với nội dung Chương trình khuyến công đã phê duyệt.

4. UBND các huyện, thành phố, thị xã

- Tuyên truyền về cơ chế, chính sách khuyến công của Trung ương, của tỉnh đến đối tượng thụ hưởng trên địa bàn;

- Phối hợp với Sở Công Thương và các sở, ngành liên quan thực hiện lồng ghép Chương trình khuyến công của tỉnh với các dự án thuộc chương trình mục tiêu quốc gia; phổ biến, hướng dẫn, chỉ đạo và kiểm tra giám sát việc triển khai thực hiện Chương trình khuyến công trên địa bàn;

- Xây dựng kế hoạch khuyến công hàng năm của địa phương để hỗ trợ phát triển CNNT trên địa bàn tùy theo tình hình thực tế và nguồn kinh phí của địa phương để bố trí kinh phí cho hoạt động khuyến công.

5. Các cơ sở công nghiệp nông thôn

Căn cứ tình hình sản xuất kinh doanh của đơn vị, tùy thuộc vào nhu cầu cấp thiết của thị trường đối với sản phẩm do đơn vị mình sản xuất và khả năng nguồn vốn của đơn vị để lập kế hoạch đầu tư mở rộng hoặc nâng cấp thiết bị máy móc, đào tạo nhân lực,... từ đó, đăng ký với chính quyền địa phương để được thụ hưởng chương trình khuyến công hỗ trợ.

Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có vướng mắc đề nghị các sở, ngành và UBND các cấp phản ánh về Sở Công Thương, tổng hợp báo cáo UBND tỉnh điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./.

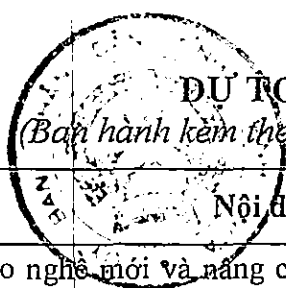
**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Ngô Văn Tuấn

Phụ lục 1:
NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH HOẠT ĐỘNG KHUYẾN CÔNG ĐẾN NĂM 2020
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 885/QĐ-UBND ngày 27/3/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

TT	Nội dung công việc		Dự kiến kết quả đạt được						Cộng
			Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020		
			KCQG	KCDP	KCQG	KCDP	KCQG	KCDP	
1	Đào tạo nghề mới và nâng cao tay nghề gắn với cơ sở CNNT và vùng nguyên liệu tại địa phương	Người	300	100	400	250	400	200	1.650
2	Hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến vào sản xuất CN-TTCN	Cơ sở	13	10	14	10	11	09	67
3	Tổ chức hội chợ triển lãm; hỗ trợ các cơ sở CNNT tham gia hội chợ trong nước								
3.1	Tổ chức hội chợ triển lãm hàng CNNT (kết hợp cả nguồn Trung ương và đối ứng của địa phương)	HC					1		1
3.2	Hỗ trợ cho các cơ sở CNNT tham gia hội chợ trong nước	Cơ sở		12		12		12	36
3.3	Tổ chức các phiên chợ hàng Việt kết nối cung - cầu về nông thôn	Phiên		4		4		4	12
4	Xây dựng các chương trình truyền hình; xuất bản các bản tin, ấn phẩm								
4.1	Xây dựng các chương trình Công Thương trên Truyền hình Trung ương và địa phương	Số		12		12		12	36
4.2	Xuất bản các Bản tin Công Thương; các báo TƯ và địa phương	Số		12		12		12	36
5	Hỗ trợ tổ chức các khóa tập huấn								
5.1	Hỗ trợ tổ chức các khóa tập huấn khuyến công; sản xuất sạch hơn trong công nghiệp	Khóa		5		5		5	15
5.2	Hỗ trợ tổ chức các khóa tập huấn khởi sự doanh nghiệp; quản trị nâng cao năng lực cho các Chủ doanh nghiệp công nghiệp nông thôn	Khóa		10		10		10	30
6	Hỗ trợ sửa chữa, nâng cấp hệ thống xử lý môi trường cho các cơ sở CNNT	Cơ sở	2		3	2	3	2	12



Phụ lục 2:

DỰ TOÁN KINH PHÍ CHƯƠNG TRÌNH KHUYẾN CÔNG ĐẾN NĂM 2020

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 885/QĐ-UBND ngày 27/3/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

TT	Nội dung công việc	ĐVT	Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020		Cộng
			KCQG	KCĐP	KCQG	KCĐP	KCQG	KCĐP	
1	Đào tạo nghề mới và nâng cao tay nghề gắn với cơ sở CNNT và vùng nguyên liệu tại địa phương	Triệu đồng	600	200	800	500	800	400	3.300
2	Hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến vào sản xuất CN-TTCN	Triệu đồng	2.600	2.000	2.800	2.000	2.200	1.800	13.400
3	Tổ chức hội chợ triển lãm; hỗ trợ các cơ sở CNNT tham gia hội chợ trong nước								
3.1	Tổ chức hội chợ triển lãm hàng CNNT (kết hợp cả nguồn Trung ương và đối ứng của địa phương)	Triệu đồng					960	300	1.260
3.2	Chi hỗ trợ cho các cơ sở CNNT tham gia hội chợ trong nước	Triệu đồng		300		300		300	900
3.3	Tổ chức các phiên chợ hàng Việt kết nối cung - cầu về nông thôn	Triệu đồng		600		600		600	1.800
4	Xây dựng các chương trình truyền hình; xuất bản bản tin, ấn phẩm								
4.1	Xây dựng các chương trình Công Thương trên Truyền hình Trung ương và địa phương	Triệu đồng		188		188		188	564
4.2	Xuất bản các Bản tin Công Thương; các báo Trung ương và địa phương	Triệu đồng		106		106		106	318
5	Hỗ trợ tổ chức các khóa tập huấn								
5.1	Hỗ trợ tổ chức các khóa tập huấn khuyến công; sản xuất sạch hơn trong công nghiệp	Triệu đồng		250		250		250	750
5.2	Hỗ trợ tổ chức các khóa tập huấn khởi sự doanh nghiệp; quản trị nâng cao năng lực cho các Chủ doanh nghiệp CNNT	Triệu đồng		500		500		500	1.500
6	Hỗ trợ sửa chữa, nâng cấp hệ thống xử lý môi trường cho các cơ sở CNNT	Triệu đồng	600		900	600	900	600	3.600
	Cộng		3.800	4.144	4.500	5.044	4.860	5.044	27.392